

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 – 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 – 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Xuân Vương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Linh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đăng Thoại	Thành viên
Ông Lê Minh Diễm	Thành viên
Ông Trương Đức Vọng	Thành viên
Ông Ngô Tân Long	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Chí Linh	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Thoại	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

2500-0
I NHÃN
ÔNG T
NHIỆM H
LOIT
ỆT N
TP. HỒ

Số: 115 /VNIA-HC-BC

BẢO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2014 từ trang 4 đến trang 30. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		278.473.117.795	278.295.240.349
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	21.055.253.388	27.064.284.947
1. Tiền	111		16.055.253.388	13.064.284.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	14.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.071.075.861	69.380.309.421
1. Phải thu khách hàng	131		70.171.635.420	62.082.916.795
2. Trả trước cho người bán	132		12.038.388.000	7.635.067.520
5. Các khoản phải thu khác	135		412.339.037	213.611.702
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(551.286.596)	(551.286.596)
IV. Hàng tồn kho	140		171.482.338.418	180.173.959.803
1. Hàng tồn kho	141	5	171.482.338.418	180.173.959.803
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.864.450.128	1.676.686.178
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.836.908.572	560.451.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.206.231.755	901.095.127
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	821.309.801	215.140.051
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		242.343.349.641	247.365.812.504
II. Tài sản cố định	220		198.839.593.095	204.060.272.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	176.960.040.582	185.336.078.513
- Nguyên giá	222		305.554.176.846	301.992.158.324
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(128.594.136.264)	(116.656.079.811)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	19.745.404.132	18.696.921.616
- Nguyên giá	228		21.071.968.802	19.766.968.802
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.326.564.670)	(1.070.047.186)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	2.134.148.381	27.272.727
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		42.227.410.030	41.719.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	6.250.000.000	6.250.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	25.365.000.000	25.365.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(4.387.589.970)	(4.895.500.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.276.346.516	1.586.039.648
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		196.748.156	316.865.336
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.052.598.360	1.242.174.312
3. Tài sản dài hạn khác	268		27.000.000	27.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		520.816.467.436	525.661.052.853

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MÀU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		130.807.232.195	165.405.173.096
I. Nợ ngắn hạn	310		125.852.694.194	160.300.863.970
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	45.305.574.980	67.390.862.623
2. Phải trả người bán	312		25.757.703.488	28.325.651.757
3. Người mua trả tiền trước	313		306.893.821	27.273.074
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	5.046.512.629	14.314.896.218
5. Phải trả người lao động	315		22.797.938.232	20.735.012.549
6. Chi phí phải trả	316	17	15.820.129.889	1.133.449.061
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	2.574.807.254	15.432.468.927
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	19	8.243.133.901	12.941.249.761
II. Nợ dài hạn	330		4.954.538.001	5.104.309.126
3. Phải trả dài hạn khác	333		170.000.000	132.600.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		4.784.538.001	4.971.709.126
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		390.009.235.241	360.255.879.757
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	390.009.235.241	360.255.879.757
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.568.600.000	128.568.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72.468.790.783	72.468.790.783
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.003.000.000)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		118.291.165.711	118.291.165.711
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.694.816.729	12.694.816.729
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		58.988.862.018	28.232.506.534
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		520.816.467.436	525.661.052.853

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thuyết minh
30/06/2014 31/12/2013

Ngoại tệ các loại
- Đô la Mỹ ("USD")

4.143 80.009

Hồ Thị Hải Vân
Người lập

Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	314.893.518.970	254.139.388.619
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		320.909.986	144.036.460
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		314.572.608.984	253.995.352.159
4. Giá vốn hàng bán	11	23	147.399.912.870	117.304.742.773
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		167.172.696.114	136.690.609.386
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.466.317.517	2.153.180.749
7. Chi phí tài chính	22	26	2.722.188.620	3.218.760.515
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.570.266.219	3.413.103.781
8. Chi phí bán hàng	24		96.853.269.498	71.620.213.843
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.282.341.964	18.661.888.561
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		46.781.213.549	45.342.927.216
11. Thu nhập khác	31		1.212.610.283	358.414.592
12. Chi phí khác	32		39.558.650	47.022.258
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.173.051.633	311.392.334
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		47.954.265.182	45.654.319.550
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	10.668.403.746	11.291.138.513
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	14	189.575.952	21.692.344
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		37.096.285.484	34.341.488.693
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.893	2.674

ball

Hồ Thị Hải Vân
Người lập

[Signature]

Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng



[Signature]

Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	47.954.265.182	45.654.319.550
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.194.573.937	12.056.114.617
Các khoản dự phòng	03	(507.910.030)	(286.443.958)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	343.249.495	79.698.596
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.466.317.517)	(2.898.034.291)
Chi phí lãi vay	06	1.570.266.219	3.413.103.781
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	59.088.127.286	58.018.758.295
Tăng các khoản phải thu	09	(13.452.311.068)	(13.756.262.878)
(Giảm)/tăng hàng tồn kho	10	8.691.621.385	(14.884.082.255)
Tăng các khoản phải trả	11	14.199.049.185	8.373.398.951
Tăng chi phí trả trước	12	(1.156.340.392)	(1.605.457.586)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.675.673.150)	(3.219.247.974)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.512.523.769)	(14.020.803.041)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	52.400.000	1.437.843.624
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.858.174.610)	(5.641.373.562)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	41.376.174.867	14.702.773.574
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(7.364.154.976)	(9.652.708.326)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	31.297.500
7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.466.317.517	2.153.180.749
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.897.837.459)	(7.468.230.077)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
2. Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32	(1.003.000.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	68.524.906.953	73.081.040.322
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(90.885.323.182)	(68.192.867.133)
6. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(19.124.905.700)	(15.316.083.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(42.488.321.929)	(10.427.910.611)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(6.009.984.521)	(3.193.367.114)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	27.064.284.947	25.829.282.239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	952.962	7.071.794
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	21.055.253.388	22.642.986.919

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền là 110.479.200 đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2013: 280.426.000 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong kỳ không bao gồm số tiền 757.416.350 đồng là cổ tức của các năm mà Cổ đông chưa nhận tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2013: 592.138.800 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.



Hồ Thị Hải Vân
Người lập



Nguyễn Thế Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 26 (là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam - Bộ Y tế, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 102652 do Trọng tài kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993) theo Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện nay, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 6 năm 2012.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 10 năm 2008 với mã chứng khoán là OPC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 693 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 672 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Do đó, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ, chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Vào các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công ty con: Công ty con là công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Đầu tư vào công ty liên kết: Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh: Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí đầu tư thuê mặt bằng và chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí đầu tư thuê mặt bằng được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được hạch toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả, phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.140.648.023	2.560.502.137
Tiền gửi ngân hàng	13.914.605.365	10.503.782.810
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	14.000.000.000
	21.055.253.388	27.064.284.947

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện tiền gửi có kỳ hạn trong vòng một tháng tại ngân hàng với lãi suất 5,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

5. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	6.900.298.580	-
Nguyên liệu, vật liệu	100.639.551.446	98.132.167.159
Công cụ, dụng cụ	-	1.818.680
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.110.451.556	3.471.258.021
Thành phẩm	59.666.429.567	77.681.722.881
Hàng hóa	1.165.607.269	886.993.062
	<u>171.482.338.418</u>	<u>180.173.959.803</u>

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng cho nhân viên	616.759.000	155.648.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	204.550.801	59.492.051
	<u>821.309.801</u>	<u>215.140.051</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	171.580.131.761	111.777.813.572	16.076.289.412	2.557.923.579	301.992.158.324
Tăng trong kỳ	1.571.525.000	488.450.160	1.502.043.362	-	3.562.018.522
Tại ngày 30/06/2014	173.151.656.761	112.266.263.732	17.578.332.774	2.557.923.579	305.554.176.846
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	43.635.879.013	63.778.070.939	6.990.094.444	2.252.035.415	116.656.079.811
Khấu hao trong kỳ	4.346.253.951	6.405.255.495	1.085.044.042	101.502.965	11.938.056.453
Tại ngày 30/06/2014	47.982.132.964	70.183.326.434	8.075.138.486	2.353.538.380	128.594.136.264
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	127.944.252.748	47.999.742.633	9.086.194.968	305.888.164	185.336.078.513
Tại ngày 30/06/2014	125.169.523.797	42.082.937.298	9.503.194.288	204.385.199	176.960.040.582

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp vật kiến trúc với tổng giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 7.875.352.607 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 32.223.798.759 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 58.284.354.707 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 55.663.957.522 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	18.476.333.802	1.290.635.000	19.766.968.802
Tăng trong kỳ	1.305.000.000	-	1.305.000.000
Tại ngày 30/06/2014	19.781.333.802	1.290.635.000	21.071.968.802
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	832.910.298	237.136.888	1.070.047.186
Khấu hao trong kỳ	127.453.986	129.063.498	256.517.484
Tại ngày 30/06/2014	960.364.284	366.200.386	1.326.564.670
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	17.643.423.504	1.053.498.112	18.696.921.616
Tại ngày 30/06/2014	18.820.969.518	924.434.614	19.745.404.132

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.868.400.000 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ ngân hàng.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí xây dựng Chi nhánh Tiền Giang	2.134.148.381	27.272.727

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	100%	100%	Sản xuất hóa dược và buôn bán hóa phẩm, đồ uống

Chi tiết số vốn đã góp vào công ty con tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán của Công ty như sau:

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương	15.000.000.000	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương ("Công ty con"), một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập ở tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4604000067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty con là sản xuất hóa dược, buôn bán hóa phẩm và đồ uống.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	40%	40%	Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng
Góp vốn liên doanh				
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiều – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc	Tỉnh Bình Dương	50%	50%	Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thuốc trị sốt rét CV ARTECAN và các sản phẩm đông dược khác

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày lập bảng cân đối kế toán của Công ty như sau:

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết:		
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	6.000.000.000	6.000.000.000
Góp vốn liên doanh:		
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiều – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc	250.000.000	250.000.000
	6.250.000.000	6.250.000.000

Đầu tư vào Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang ("OPC Bắc Giang") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24004498591 ngày 19 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của OPC Bắc Giang, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của Công ty OPC Bắc Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Góp vốn liên doanh:*Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiều – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc (“Kiện Kiều”)*

Thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Kiện Kiều ký ngày 24 tháng 4 năm 2012 với thời hạn hoạt động là 10 năm tương ứng với thời gian hoạt động trên giấy phép đầu tư. Theo hợp đồng, mỗi bên sẽ góp 50% vốn và lợi nhuận thuần của quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết khoản đầu tư tài chính dài hạn khác như sau:

	30/06/2014		31/12/2013	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị (VND)</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Quỹ Đầu tư chứng khoán Con Hồ Việt Nam	1.000.000	10.100.000.000	1.000.000	10.100.000.000
Quỹ Đầu tư chứng khoán Hà Nội	5.000	5.075.000.000	5.000	5.075.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	144.000	3.800.000.000	144.000	3.800.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	225.000	2.750.000.000	225.000	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	100.000	1.500.000.000	100.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	50.000	1.250.000.000	50.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	7.000	790.000.000	7.000	790.000.000
Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị vật tư y tế Tuyên Quang	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000
		<u>25.365.000.000</u>		<u>25.365.000.000</u>

13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Quỹ Đầu tư chứng khoán Con Hồ Việt Nam	(3.135.089.970)	(3.643.000.000)
Quỹ Đầu tư chứng khoán Hà Nội	(1.252.500.000)	(1.252.500.000)
	<u>(4.387.589.970)</u>	<u>(4.895.500.000)</u>

14. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả và do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước.

	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện <u>VND</u>	Dự phòng phải trả dài hạn khác <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	(303.836)	1.296.646.313	1.296.342.477
Ghi giảm lợi nhuận trong năm	(449.134)	(53.719.031)	(54.168.165)
Tại ngày 31/12/2013	(752.970)	1.242.927.282	1.242.174.312
Ghi giảm lợi nhuận trong kỳ	752.970	(190.328.922)	(189.575.952)
Tại ngày 30/06/2014	-	<u>1.052.598.360</u>	<u>1.052.598.360</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	14.037.316.950	12.688.631.713
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà		
Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn	13.841.533.212	7.421.846.400
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt		
Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh	11.633.539.068	27.284.611.656
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	5.793.185.750	19.995.772.854
	45.305.574.980	67.390.862.623

Vào ngày 23 tháng 01 năm 2013, Công ty ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng 1.000.000 Đô la Mỹ. Vào ngày 22 tháng 01 năm 2014, Công ty ký kết thỏa thuận sửa đổi hợp đồng tín dụng nêu trên và theo nội dung sửa đổi thì khoản tín dụng này được nâng hạn mức lên 1.500.000 Đô la Mỹ và có hiệu lực đến ngày 22 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động và mở thư tín dụng. Khoản vay chịu lãi suất bằng chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng 1,65%/năm. Công ty đã sử dụng hàng tồn kho trị giá 1.000.000 Đô la và khoản phải thu trị giá 500.000 Đô la Mỹ để thế chấp cho khoản vay này.

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2013, Công ty ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 và được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cơ sở cộng 3,5%/năm. Công ty đã sử dụng hàng tồn kho trị giá 50.000.000.000 đồng để thế chấp cho khoản vay này.

Vào ngày 02 tháng 12 năm 2011, Công ty ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng và đã tăng lên thành 30.000.000.000 đồng theo phụ lục hợp đồng tín dụng ký kết vào ngày 30 tháng 10 năm 2012. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 02 tháng 12 năm 2015 và được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất áp dụng theo hình thức lãi suất thả nổi, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tại từng lần nhận nợ được quy định trên từng giấy nhận nợ hoặc hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ và bảng kê rút vốn. Công ty đã thế chấp tài sản cố định và quyền sử dụng đất cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số 7 và số 8).

Vào ngày 30 tháng 01 năm 2013, Công ty ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với hạn mức tín dụng là 2.000.000 Đô la Mỹ. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 29 tháng 4 năm 2015 và được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cơ bản Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam của thời hạn tương ứng cộng 1,5%/năm. Công ty đã sử dụng hàng tồn kho trị giá 2.000.000 Đô la Mỹ và quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 8).

16. THUÊ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.673.403.746	13.517.523.769
Thuế thu nhập cá nhân	372.903.083	790.627.249
Thuế tiêu thụ đặc biệt	205.800	6.745.200
	5.046.512.629	14.314.896.218

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí khuyến mại, quảng cáo	14.016.641.727	-
Chi phí nhượng quyền	603.534.827	500.970.000
Chiết khấu thanh toán	534.279.474	-
Chi phí điện sản xuất	235.275.100	154.685.100
Chi phí lãi vay	38.820.581	144.227.512
Khác	391.578.180	333.566.449
	15.820.129.889	1.133.449.061

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÁN HẠN KHÁC

	30/06/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	1.816.445.117	1.880.076.877
Cổ tức	757.416.350	13.542.392.050
Phải trả khác	945.787	10.000.000
	2.574.807.254	15.432.468.927

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ/năm	12.941.249.761	12.311.264.904
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại	-	5.553.528.000
Sử dụng quỹ	(4.698.115.860)	(4.923.543.143)
Số dư cuối kỳ/năm	8.243.133.901	12.941.249.761

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	30/06/2014 (Cổ phần)	31/12/2013 (Cổ phần)
Số lượng cổ phần được phép phát hành	12.856.860	12.856.860
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.856.860	12.856.860
Số lượng cổ phần đã mua lại	59.000	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	12.797.860	-
Mệnh giá cổ phần (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ năm giữ tại ngày 30/06/2014 và 31/12/2013		Vốn đã góp tại ngày 30/06/2014 và 31/12/2013
	Cổ phiếu	%	VND
Cổ đông nhà nước - Tổng Công ty Dược	2.375.100	18,47	23.751.000.000
Cổ đông khác	10.481.760	81,53	104.817.600.000
	12.856.860	100	128.568.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU B 09-DN

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm/kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	128.568.600.000	72.468.790.783	-	110.012.802.711	12.694.816.729	14.625.735.392	338.370.745.615
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	55.725.351.310	55.725.351.310
Chia lợi nhuận cho liên doanh	-	-	-	-	-	(1.597.168)	(1.597.168)
Phân phối quỹ	-	-	-	8.278.363.000	-	(8.278.363.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.553.528.000)	(5.553.528.000)
Chia thêm cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(2.571.372.000)	(2.571.372.000)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2013	-	-	-	-	-	(12.856.860.000)	(12.856.860.000)
Tạm trích cổ tức đợt 2 năm 2013	-	-	-	-	-	(12.856.860.000)	(12.856.860.000)
Tại ngày 31/12/2013	128.568.600.000	72.468.790.783	-	118.291.165.711	12.694.816.729	28.232.506.534	360.255.879.757
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	37.096.285.484	37.096.285.484
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.003.000.000)	-	-	-	(1.003.000.000)
Chia thêm cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(6.398.930.000)	(6.398.930.000)
Hoàn nhập cổ tức của cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	59.000.000	59.000.000
Tại ngày 30/06/2014	128.568.600.000	72.468.790.783	(1.003.000.000)	118.291.165.711	12.694.816.729	58.988.862.018	390.009.235.241

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 327/NQ-ĐHĐCD thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 với số tiền là 32.142.150.000 đồng tương ứng với 25% vốn cổ phần của Công ty. Theo đó, trong kỳ Công ty đã trích thêm số tiền là 6.398.930.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 (số cổ tức tạm trích và chi trả trong năm 2013 là 25.713.720.000 đồng) để tiến hành việc chi trả cổ tức như nêu trên.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 181/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 02 năm 2014 về việc thông qua phương án mua lại 50.000 cổ phiếu quỹ của chương trình ESOP OPC trong năm 2012, Công ty đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Công văn số 196/HĐQT-OPC ngày 28 tháng 2 năm 2014 công bố thông tin giao dịch 50.000 cổ phiếu quỹ. Sau đó, Công ty đã mua lại thành công 50.000 cổ phiếu quỹ với giá mua 17.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 212/NQ-HDQT ngày 06 tháng 3 năm 2014 về việc thông qua phương án mua lại 9.000 cổ phiếu quỹ của chương trình ESOP OPC 2012, Công ty đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Công văn số 242/HĐQT-OPC ngày 13 tháng 3 năm 2014 công bố thông tin giao dịch 9.000 cổ phiếu quỹ. Sau đó, Công ty đã mua lại thành công 9.000 cổ phiếu quỹ với giá mua 17.000 đồng/cổ phiếu.

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là ngành dược phẩm và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm	314.500.554.328	253.736.699.944
Doanh thu bán hàng hóa	374.039.080	386.328.675
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.925.562	16.360.000
	314.893.518.970	254.139.388.619

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn bán thành phẩm	147.054.849.128	116.950.995.593
Giá vốn bán hàng hóa	345.063.742	353.747.180
	147.399.912.870	117.304.742.773

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	118.969.766.400	109.204.903.855
Chi phí nhân công	70.205.023.911	56.324.410.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.194.573.937	12.056.114.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.622.524.450	6.951.716.147
Chi phí khác	42.010.146.681	34.310.657.044
	256.002.035.379	218.847.801.932

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận được chia từ OPC Bình Dương	1.366.106.440	1.284.574.000
Cổ tức được chia	540.024.000	575.421.488
Lợi nhuận được chia từ OPC Bắc Giang	410.694.627	152.063.758
Lãi tiền gửi	149.492.450	141.121.503
	2.466.317.517	2.153.180.749

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí lãi vay	1.570.266.219	3.413.103.781
Chiết khấu thanh toán	1.308.912.223	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	343.249.495	79.698.596
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.670.713	12.402.096
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(507.910.030)	(286.443.958)
	2.722.188.620	3.218.760.515

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	47.954.265.182	45.654.319.550
Trừ:		
Thu nhập không chịu thuế	2.316.825.067	2.012.059.246
Chi phí không được trừ năm trước nhưng được trừ trong kỳ này	187.171.125	86.769.375
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	3.042.475.311	1.609.063.121
Thu nhập chịu thuế	48.492.744.301	45.164.554.050
Thuế suất hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.668.403.746	11.291.138.513

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013: 25%). Cơ quan thuế đã thanh tra thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty đến hết năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.096.285.484	34.341.488.693
Lỗ chia cho liên doanh	-	(40.867.426)
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông	37.096.285.484	34.382.356.119
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành (Cổ phiếu)	12.822.274	12.856.860
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/Cổ phiếu)	2.893	2.674

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.378.986.360	544.336.650

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	2.757.972.360	1.088.673.300
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	11.031.889.440	4.354.693.200
Sau năm năm	4.136.958.360	2.177.346.600
	17.926.820.160	7.620.713.100

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả tiền thuê đất tối thiểu mà Công ty phải trả hàng năm cho lô đất tại 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm 2020.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa sở dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng**Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	30/06/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	45.305.574.980	67.390.862.623
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	21.055.253.388	27.064.284.947
Nợ thuần	24.250.321.592	40.326.577.676
Vốn chủ sở hữu	390.009.235.241	360.255.879.757
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	6,22%	11,19%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	30/06/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.055.253.388	27.064.284.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.032.687.861	61.745.241.901
Ký quỹ, ký cược	204.550.801	59.492.051
Tổng cộng	91.292.492.050	88.869.018.899

Công nợ tài chính

Vay ngắn hạn	45.305.574.980	67.390.862.623
Phải trả cho người bán và phải trả khác	28.502.510.742	43.890.720.684
Chi phí phải trả	15.820.129.889	1.133.449.061
Tổng cộng	89.628.215.611	112.415.032.368

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa và giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng****Rủi ro thị trường***

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/06/2014	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	523.791.282	1.703.723.544	31.306.979.412	7.442.399.400

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng lần lượt là 1.539.159.407 đồng (năm 2013: 286.933.793 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Tại ngày 30/06/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.055.253.388	-	21.055.253.388
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.032.687.861	-	70.032.687.861
Ký quỹ, ký cược	204.550.801	-	204.550.801
Tổng cộng	91.292.492.050	-	91.292.492.050
Tại ngày 30/06/2014			
Vay ngắn hạn	45.305.574.980	-	45.305.574.980
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	28.332.510.742	170.000.000	28.502.510.742
Chi phí phải trả	15.820.129.889	-	15.820.129.889
Tổng cộng	89.458.215.611	170.000.000	89.628.215.611
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.834.276.439	(170.000.000)	1.664.276.439
	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.064.284.947	-	27.064.284.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.745.241.901	-	61.745.241.901
Ký quỹ, ký cược	59.492.051	-	59.492.051
Tổng cộng	88.869.018.899	-	88.869.018.899
Tại ngày 31/12/2013			
Vay ngắn hạn	67.390.862.623	-	67.390.862.623
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	43.758.120.684	132.600.000	43.890.720.684
Chi phí phải trả	1.133.449.061	-	1.133.449.061
Tổng cộng	112.282.432.368	132.600.000	112.415.032.368
Chênh lệch thanh khoản thuần	(23.413.413.469)	(132.600.000)	(23.546.013.469)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng.***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
OPC Bình Dương		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	130.600.010	16.360.000
Doanh thu cho thuê	60.000.000	60.000.000
Mua nguyên vật liệu	12.608.413.314	6.778.858.783
Lợi nhuận được chia	<u>1.366.106.440</u>	<u>1.284.574.000</u>
OPC Bắc Giang		
Mua nguyên vật liệu	12.748.861.000	21.806.289.200
Lợi nhuận được chia	<u>410.694.627</u>	<u>152.063.758</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã chi trả trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>3.360.409.131</u>	<u>3.213.750.966</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả người bán		
OPC Bình Dương	792.186.237	3.987.445.690
OPC Bắc Giang	<u>1.028.921.250</u>	<u>8.041.513.644</u>

baul

Hồ Thị Hải Vân
 Người lập

T M

Nguyễn Thế Đề
 Kế toán trưởng

saun

Nguyễn Chí Linh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 11 tháng 8 năm 2014

